

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 25/2024/DS-ST

Ngày: 01/3/2024

*“Tranh chấp hợp đồng dân
sự về mua bán tài sản”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Ngọc Bích

2. Ông Phù Thọ Bồn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên lương tham gia phiên
tòa:* Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1982, là Chủ hộ kinh doanh B, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 9, ấp Ph, xã Ph, huyện Ph, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963, có đơn xét xử vắng mặt.

Ông Trần Văn L1, sinh năm 1951, có đơn xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 03, ấp T, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Th là chủ hộ kinh doanh B trình bày: Ông là Nguyễn Hữu Th - chủ hộ kinh doanh cửa hàng vật tư nông nghiệp B, nguyên trước đây vợ chồng ông Trần Văn L1 bà Nguyễn Thị L có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp B mua vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) nhiều lần, đến ngày 20/5/2022 hai bên chốt lại số nợ số tiền 139.654.000^d, có làm biên nhận, nội dung biên nhận do bà L viết, ký, ghi họ tên. Ông Th – chủ hộ kinh doanh B đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông L1 bà L trả hết nợ tiền mua vật tư nông nghiệp nhưng ông L1 bà L hứa hẹn và đến nay vẫn chưa trả nợ tiền mua vật tư nông nghiệp cho ông Th – chủ hộ kinh doanh B.

Nay ông Th – chủ hộ kinh doanh B yêu cầu vợ chồng ông L1 bà L trả hết số nợ tiền mua vật tư nông nghiệp số tiền 139.654.000^d và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 20/5/2022 đến ngày xét xử.

Theo tờ tường trình, biên bản làm việc tại Tòa án bị đơn ông Trần Văn L1 và bà Nguyễn Thị L trình bày: Ông L1 bà L thừa nhận năm 2022 có đến cửa hàng vật tư nông nghiệp B do ông Nguyễn Hữu Th làm chủ hộ kinh doanh để mua vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu), ông bà mua nhiều lần chủ yếu là phân bón, thuốc trừ sâu. Đến ngày 20/5/2022 hai bên chốt lại số nợ tiền mua vật tư nông nghiệp với số tiền là 139.654.000^d, có làm biên nhận, nội dung biên nhận do chính bà L viết, ký, ghi họ tên.

Do làm ăn gặp khó khăn, không có khả năng thanh toán một lần hết số nợ cho ông Th – chủ hộ kinh doanh B. Nay ông bà thừa nhận còn nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của ông Th – chủ hộ kinh doanh B với số tiền 139.654.000^d và ông L1 bà L xin thanh toán từ từ mỗi năm 30.000.000^d cho đến khi hết số nợ theo hai vụ lúa trong năm và ông L1 bà L xin ông Th bỏ yêu cầu tính lãi suất vì không có thỏa thuận lãi với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn L1, bà Nguyễn Thị L có đơn xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Bị đơn ông Trần Văn L1 bà Nguyễn Thị L có nơi cư trú tại: Tổ 03, ấp T, xã H, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ án tranh chấp về giao dịch dân sự “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và giao dịch được điều chỉnh tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Vào năm 2022 ông Trần Văn L1 bà Nguyễn Thị L có mua vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) tại Cửa hàng vật tư nông nghiệp do ông Nguyễn Hữu Th – Chủ hộ kinh doanh B, đến ngày 20/5/2022 hai bên chốt lại số nợ tiền mua vật tư nông nghiệp với số tiền là 139.654.000^d, có làm biên nhận, nội dung biên nhận do chính bà L viết, ký, ghi họ tên.

Xét thấy yêu cầu của ông Th – chủ hộ kinh doanh B yêu cầu vợ chồng ông L1 bà L trả nợ tiền mua vật tư nông nghiệp số tiền 139.654.000^d là có cơ sở chấp nhận, bởi vì ông L1 bà L cũng thừa nhận còn nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của ông Th – chủ hộ kinh doanh B số tiền 139.654.000^d, nhưng do kinh tế khó khăn nên không có khả năng trả 01 lần và xin được trả dần mỗi năm 30.000.000^d cho đến khi hết số nợ theo hai vụ lúa trong năm. Vì vậy ông Th – chủ hộ kinh doanh B yêu cầu ông L1 bà L trả nợ tiền mua vật tư nông nghiệp là phù hợp với quy định tại Điều 430; 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Ông Th – chủ hộ kinh doanh B yêu cầu tính lãi từ ngày 20/5/2022 đến ngày xét xử là phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự. Do ông L1 bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi trên số tiền chậm trả, các đương sự không có thỏa thuận về mức lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để xác định mức lãi suất là 10%/năm, thời gian chậm trả tiền tính từ ngày 20/5/2022 đến ngày xét xử là 21 tháng 10 ngày. Lãi suất được tính như sau: $[(139.654.000 \text{ đồng} \times (10\% : 12 \text{ tháng}) \times 21 \text{ tháng}) + (139.654.000 \text{ đồng} \times (10\% : 12 \text{ tháng} : 30 \text{ ngày}) \times 10 \text{ ngày})] = 24.732.723^d$. Như vậy, ông L1 bà L phải trả tiền lãi số tiền 24.732.723^d cho ông Th – chủ hộ kinh doanh B.

[5] Xét yêu cầu ông L1 bà L xin trả dần mỗi năm 30.000.000^d cho đến khi hết số nợ theo hai vụ lúa trong năm nhưng Hội đồng xét xử không có cơ sở xem

xét. Vì phía nguyên đơn không thống nhất và việc xem xét thời gian, điều kiện Thi hành án là thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Văn L1 bà Nguyễn Thị L phải trả nợ tiền mua vật tư nông nghiệp cho ông Th – chủ hộ kinh doanh B gốc lãi số tiền 164.386.723^d (Trong đó, nợ gốc số tiền 139.654.000^d, nợ lãi số tiền 24.732.723^d).

[6] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 8.219.336^d. Do ông L1 bà L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu Th – chủ hộ kinh doanh B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.491.350^d.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng: Điều 357, Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Th – Chủ hộ kinh doanh B.

Buộc ông Trần Văn L1 bà Nguyễn Thị L phải trả nợ tiền mua vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) gốc lãi số tiền 164.386.723^d (Trong đó, nợ gốc số tiền 139.654.000^d, nợ lãi số tiền 24.732.723^d) cho ông Nguyễn Hữu Th – Chủ hộ kinh doanh B.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Do ông Trần Văn L1, bà Nguyễn Thị L là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Hoàn trả lại tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 3.491.350^d (ba triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, ba trăm năm mươi đồng) theo biên lai số 0001758 ngày 30/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương cho ông Nguyễn Hữu Th – Chủ hộ kinh doanh B.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/3/2024); Các bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Chi cục THA DS huyện Kiên Lương;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Cao Thị Mai